

Số: 353/QĐ-CĐTH

Hưng Yên, ngày 17 tháng 5 năm 2023

## QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về xây dựng, quản lý và sử dụng ngân hàng đề thi  
tại trường Cao đẳng KT - KT Tô Hiệu Hưng Yên**

### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG KT-KT TÔ HIỆU HƯNG YÊN

Căn cứ Quyết định số 1626/QĐ-LĐTBXH ngày 13/10/2017 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội về việc sáp nhập Trường Trung cấp nghề Hưng Yên vào Trường Cao đẳng nghề Kinh tế - Kỹ thuật Tô Hiệu Hưng Yên và đổi tên thành Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Tô Hiệu Hưng Yên;

Căn cứ Quyết định số 272/QĐ-CĐTH ngày 17/3/2023 của Trường CĐ KT-KT Tô Hiệu Hưng Yên về việc ban hành Quy chế tổ chức, hoạt động của Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Tô Hiệu Hưng Yên;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/3/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 810/QĐ-CĐTH ngày 07/12/2022 của Trường CĐ KT-KT Tô Hiệu Hưng Yên về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp.

Xét đề nghị của phòng Khảo thí và Bảo đảm chất lượng.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định xây dựng, quản lý và sử dụng ngân hàng đề thi tại trường Cao đẳng KT - KT Tô Hiệu Hưng Yên.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Trường các đơn vị trực thuộc; toàn thể viên chức và người học của trường Cao đẳng KT-KT Tô Hiệu Hưng Yên căn cứ Quyết định thi hành./.

#### Nơi nhận:

- Ban giám hiệu;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, KT & BĐCL

HIỆU TRƯỞNG  
  
Trần Thanh Liêm

## QUY ĐỊNH

Về việc xây dựng, quản lý và sử dụng ngân hàng đề thi  
tại Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Tô Hiệu Hưng Yên  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 353/QĐ-CDTH ngày 17/5/2023  
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng KT - KT Tô Hiệu Hưng Yên)

### Chương I

### QUY ĐỊNH CHUNG

#### Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định về việc xây dựng, quản lý và sử dụng ngân hàng đề thi của trường Cao đẳng KT - KT Tô Hiệu Hưng Yên.
2. Quy định này áp dụng đối với tất cả các trình độ và các hệ đào tạo theo hệ thống tín chỉ tại trường Cao đẳng KT - KT Tô Hiệu Hưng Yên.
3. Những nội dung không quy định trong Quy định này được thực hiện theo các quy định hiện hành của Nhà nước về Giáo dục nghề nghiệp.

#### Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. *Ngân hàng đề thi* là tập hợp nhiều đề thi của một môn học/mô đun. Ngân hàng đề thi phải đảm bảo có đủ số lượng đề thi dự kiến sử dụng cho ít nhất 01 năm học.
2. *Đề thi gốc* là đề thi sau biên soạn đã được thẩm định, phê duyệt về nội dung, hình thức trình bày và được in ra. Đề thi gốc phải có chữ ký của người biên soạn, Trưởng bộ môn và Trưởng khoa. Kèm theo đề thi gốc có chế bản vi tính của đề thi ở định dạng Word và PDF.
3. *Bản sao đề thi* là bản phô tô từ đề thi gốc. Số lượng bản sao đề thi được phô tô theo số lượng người học thi chính thức và đề thi dự trữ theo thông báo từ Trường ban coi thi.
4. *Câu hỏi trắc nghiệm khách quan* là loại câu hỏi trắc nghiệm mà người học chỉ cần chọn phương án đúng/sai, không cần giải thích.
5. *Đề thi trắc nghiệm kết hợp tự luận* là đề thi có 02 phần: phần câu hỏi trắc nghiệm và phần câu hỏi tự luận. Đề thi trắc nghiệm kết hợp tự luận có thời gian làm bài thi giống đề thi tự luận.
6. Người ra đề thi độc lập là người được Khoa phân công/mời ra đề thi để sử dụng cho kì thi kết thúc môn học/môđun trong trường hợp đề thi trong ngân hàng đề thi không sử dụng được do chương trình đào tạo/quy định của pháp luật có sự thay đổi làm ảnh hưởng đến tính chính xác/phù hợp của đề thi.

## **Chương II**

### **XÂY DỰNG NGÂN HÀNG ĐỀ THI**

#### **Điều 3. Quy trình xây dựng đề thi**

Quy trình các bước thực hiện và hồ sơ, biểu mẫu khi xây dựng đề thi được thực hiện theo Quy trình xây dựng ngân hàng đề thi trong Hệ thống bảo đảm chất lượng của trường.

#### **Điều 4. Người biên soạn đề thi, đáp án**

1. Người được giao nhiệm vụ biên soạn đề thi, đáp án cho một môn học/mô đun là giảng viên/giáo viên đã và đang tham gia giảng dạy môn học/mô đun và nắm vững nội dung chương trình đào tạo của môn học/mô đun đó.

2. Người biên soạn đề thi, đáp án phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, mức độ phù hợp và tính bảo mật của các đề thi, đáp án mà mình đã biên soạn.

#### **Điều 5. Hình thức trình bày của đề thi**

1. Đề thi phải được chế bản vi tính theo định dạng Word trên khổ giấy A4, font chữ Times New Roman, cỡ chữ 13, giãn dòng đơn. Đề thi phải ghi rõ thang điểm của từng câu/từng phần; phải đánh số trang ở phía dưới mỗi trang đề và phải ghi rõ đề thi có mấy trang (đối với đề thi có từ 02 trang trở lên). Tại phần kết thúc của đề thi phải có chữ “Hết”, có chữ ký của người biên soạn, Trưởng bộ môn và Trưởng khoa ở trang cuối của đề thi.

2. Mỗi đề thi phải ghi đầy đủ, chính xác các thông tin về: chương trình đào tạo, tên môn học/mô đun, thời gian làm bài thi, các ghi chú khác cần thiết (Ví dụ: thí sinh được/không được sử dụng tài liệu khi làm bài; giám thị không giải thích gì thêm,...).

3. Đề thi tự luận trình bày theo mẫu tại Phụ lục số 01; đề thi trắc nghiệm được trình bày theo mẫu tại Phụ lục số 02; đề thi trắc nghiệm kết hợp tự luận được trình bày theo mẫu tại Phụ lục số 03; đề thi vấn đáp trình bày theo mẫu tại Phụ lục số 04; đề thi thực hành trình bày theo mẫu tại Phụ lục số 05.

#### **Điều 6. Nội dung đề thi, câu hỏi thi**

1. Nội dung đề thi, câu hỏi thi phải phù hợp với nội dung môn học/mô đun được quy định trong chương trình đào tạo. Nội dung câu hỏi trong đề thi phải đảm bảo rõ ràng, logic, khoa học, chính xác, chặt chẽ và cập nhật. Câu hỏi thi, đề thi đảm bảo đánh giá được mức độ hiểu biết của thí sinh về kiến thức lý thuyết, kỹ năng thực hành, vận dụng, liên hệ thực tế; đánh giá được người học đạt chuẩn đầu ra và mức độ đáp ứng mục tiêu môn học/mô đun.

2. Cách diễn đạt trong đề thi phải chính xác, rõ ràng, mạch lạc, thống nhất

và đơn nghĩa. Không sử dụng những từ ngữ gây hiểu lầm hoặc có thể hiểu theo nhiều nghĩa trong đề thi.

### **Điều 7. Số lượng câu hỏi của một đề thi, thời gian làm bài thi**

#### *1. Đối với đề thi tự luận:*

- Đối với môn học/mô đun có từ 01 - 02 tín chỉ:
  - + Số lượng câu hỏi của một đề thi: 02 - 03 câu hỏi
  - + Thời gian làm bài thi: 45 - 60 phút.
- Đối với môn học/mô đun có từ 03 tín chỉ trở lên:
  - + Số lượng câu hỏi của một đề thi: 02 - 03 câu hỏi.
  - + Thời gian làm bài thi: 90 - 120 phút.

#### *2. Đối với đề thi trắc nghiệm:*

- Đối với môn học/mô đun có từ 01 - 02 tín chỉ:
  - + Số lượng câu hỏi của một đề thi: 15 - 20 câu hỏi
  - + Thời gian làm bài thi: 45 - 60 phút.
- Đối với môn học/mô đun có từ 03 tín chỉ trở lên:
  - + Số lượng câu hỏi của một đề thi: 20 - 30 câu hỏi.
  - + Thời gian làm bài thi: 60 - 90 phút.

#### *3. Đối với đề thi trắc nghiệm kết hợp tự luận:*

- Đối với môn học/mô đun có từ 01 - 02 tín chỉ:
  - + Số lượng câu hỏi của một đề thi được quy định như sau:
    - Phần trắc nghiệm: từ 07 - 10 câu hỏi.
    - Phần tự luận: 02 câu hỏi.
  - + Thời gian làm bài thi: 45 - 60 phút.
- Đối với môn học/mô đun có từ 03 tín chỉ trở lên:
  - + Số lượng câu hỏi của một đề thi được quy định như sau:
    - Phần trắc nghiệm: từ 10 - 15 câu hỏi.
    - Phần tự luận: 02 - 03 câu hỏi (hoặc bài tập thực hành).
  - + Thời gian làm bài thi: 90 - 120 phút.

#### *4. Đối với đề thi vấn đáp:*

Đề thi vấn đáp có thời gian chuẩn bị không quá 15 phút, thời gian trả lời từ 10 đến 15 phút cho một người học.

Số lượng câu hỏi của từng phần được quy định như sau:

- Phần người học bốc thăm, chuẩn bị trước: 02 câu hỏi;

- Phần giảng viên/giáo viên hỏi thêm: 01 đến 02 câu hỏi.

5. *Đối với đề thi thực hành tại phòng/xưởng thực hành hoặc sân bãi:*

Khoa/Tổ bộ môn thảo luận và thông qua bộ tiêu chí, tập hợp các bộ tiêu chí đánh giá cho bài thi thực hành (về công tác chuẩn bị, kiến thức, kỹ năng, vệ sinh, an toàn và thời gian thực hiện,...) và gửi về Phòng Khảo thí và Bảo đảm chất lượng như đối với ngân hàng đề thi.

### **Điều 8. Thang điểm**

1. *Đối với đề thi tự luận:* tổng điểm của đề thi là 10 điểm, đề thi phải xác định rõ điểm của từng câu hỏi.

2. *Đối với đề thi trắc nghiệm:* cho điểm theo thang điểm bình quân/01 câu hỏi. Điểm toàn bài được quy đổi về thang điểm 10, điểm quy đổi làm tròn đến một chữ số thập phân theo công thức sau:

$$a = \frac{n. 10}{N}$$

Trong đó: a là điểm bài thi trắc nghiệm của người học;  
n là số câu trả lời đúng của người học;  
N là tổng số câu hỏi của đề thi trắc nghiệm.

3. *Đối với đề thi trắc nghiệm kết hợp tự luận:* thang điểm của đề thi là 10. Đề thi được xây dựng với cơ cấu điểm như sau: phần tự luận là 07 điểm; phần trắc nghiệm là 03 điểm. Điểm phần trắc nghiệm của học viên được tính theo công thức sau:

$$a = \frac{n. 3}{N}$$

Trong đó: a là điểm của người học đạt được trong phần thi trắc nghiệm;  
n là số câu trả lời đúng của người học;  
N là tổng số câu hỏi của phần thi trắc nghiệm.

4. *Đối với đề thi vấn đáp:* thang điểm của đề thi là 10, được xây dựng theo cơ cấu điểm như sau: Phần cho người học bốc thăm, chuẩn bị trước là 06 điểm; phần giảng viên/giáo viên hỏi thêm là 04 điểm.

5. *Đối với đề thi thực hành tại phòng/xưởng thực hành hoặc sân bãi:* thang điểm của đề thi là 10. Khoa/Tổ bộ môn thống nhất điểm thành phần đối với các tiêu chí đánh giá của bài thi (về công tác chuẩn bị, kiến thức, kỹ năng, vệ sinh, an toàn và thời gian thực hiện,...).

### **Điều 9. Đáp án đề thi**

1. Yêu cầu chung:

a. Đáp án của đề thi phải trình bày cụ thể các nội dung kiến thức, kỹ năng

người học cần đạt được một cách khoa học, chặt chẽ và chính xác. Cách trình bày mạch lạc, chi tiết nhưng ngắn gọn và dễ hiểu, phù hợp với yêu cầu kiểm tra, đánh giá của đề thi.

b. Đáp án đề thi phải được biên soạn và có chữ ký của người biên soạn, Trưởng bộ môn và Trưởng khoa ở trang cuối của đáp án.

2. Đáp án của đề thi tự luận theo mẫu quy định tại Phụ lục 01a; đáp án của đề thi trắc nghiệm theo mẫu quy định tại Phụ lục 02a; đáp án của đề thi trắc nghiệm kết hợp tự luận theo mẫu quy định tại Phụ lục 03a; đáp án của đề thi vấn đáp theo mẫu quy định tại Phụ lục 04a.

3. Đáp án của đề thi thực hành tại phòng/xưởng thực hành hoặc sân bãi: Khoa/Tổ bộ môn thống nhất điểm thành phần đối với các tiêu chí đánh giá của bài thi (về công tác chuẩn bị, kiến thức, kỹ năng, vệ sinh, an toàn và thời gian thực hiện,...). được biên soạn theo mẫu quy định tại Phụ lục 05a.

### **Điều 10. Yêu cầu đối với ngân hàng đề thi**

1. Ngân hàng đề thi có thể được xây dựng theo cách soạn từng đề thi theo cấu trúc hoàn chỉnh hoặc soạn ngân hàng câu hỏi rồi tổ hợp các đề thi từ ngân hàng câu hỏi theo cấu trúc đề thi.

2. Cấu trúc đề thi (còn gọi là ma trận kiến thức cho một đề thi) được tiến hành xác định như sau:

- a. Xác định các chủ đề cần kiểm tra, đánh giá.
- b. Xác định tỷ lệ kiến thức ở các chương, phần cần có trong đề thi.
- c. Xác định tỷ lệ các câu hỏi kiểm tra, đánh giá các bậc năng lực nhận thức.
- d. Xác định thời gian tiến hành làm bài.
- e. Xác định thang điểm tương ứng với các câu hỏi thi.

3. Yêu cầu nội dung kiến thức và hình thức trình bày từng câu hỏi trong ngân hàng đề thi thực hiện như quy định tại Điều 5 và Điều 6 của Quy định này.

4. Số lượng đề thi trong ngân hàng đề thi được quy định như sau:

- a. Đối với ngân hàng đề thi tự luận, số lượng đề thi của ngân hàng đề cho 01 môn học/mô đun phải có tối thiểu 10 đề thi và các đáp án kèm theo.
- b. Đối với ngân hàng đề thi trắc nghiệm, số đề thi được tổ hợp tối thiểu 15 đề cho 01 môn học/mô đun, mỗi đề thi có thể được trộn thành 04 mã.
- c. Đối với ngân hàng đề thi trắc nghiệm kết hợp tự luận, tổ hợp tối thiểu 10 đề cho 01 môn học/mô đun, mỗi đề thi có thể được trộn thành 04 mã.
- d. Đối với ngân hàng đề thi vấn đáp, tổ hợp tối thiểu 15 đề cho 01 môn học/mô đun.

e. Đối với ngân hàng đề thi thực hành, số lượng đề thi của ngân hàng đề cho 01 môn học/mô đun phải có tối thiểu 10 đề thi và các tiêu chí đánh giá kèm theo.

### **Điều 11. Yêu cầu đối với ngân hàng câu hỏi thi**

1. Yêu cầu nội dung kiến thức và hình thức trình bày từng câu hỏi, bài tập trong ngân hàng câu hỏi thi thực hiện theo Điều 5 và Điều 6 của Quy định này.

2. Khi biên soạn ngân hàng câu hỏi thi phải dựa trên cấu trúc đề thi, từ đó xác định ma trận câu hỏi thi cho môn học/mô đun. Số lượng câu hỏi trong ngân hàng câu hỏi thi tối thiểu được quy định như sau:

- Đối với ngân hàng câu hỏi thi tự luận, phải có tối thiểu 10 câu hỏi/01 tín chỉ (câu hỏi thi trong ngân hàng có thể là câu hỏi lý thuyết hoặc bài tập).

- Đối với ngân hàng câu hỏi thi trắc nghiệm, số câu hỏi của ngân hàng câu hỏi phải có tối thiểu 30 câu hỏi/01 tín chỉ.

- Đối với ngân hàng câu hỏi thi trắc nghiệm kết hợp tự luận, số câu hỏi của ngân hàng câu hỏi phải có tối thiểu 15 câu hỏi/01 tín chỉ.

- Đối với ngân hàng câu hỏi thi vấn đáp, số câu hỏi của ngân hàng câu hỏi phải có tối thiểu 20 câu hỏi/01 tín chỉ.

- Đối với ngân hàng câu hỏi thi thực hành, số câu hỏi của ngân hàng câu hỏi phải có tối thiểu 05 câu hỏi/01 tín chỉ.

3. Ma trận câu hỏi cho một môn học/mô đun cần xác định tại các Phụ lục 06, Phụ lục 06a, Phụ lục 06b.

- Số đề thi cần tổ hợp (tối thiểu 10 đề thi cho 01 môn học/mô đun).

- Số câu hỏi tối thiểu theo chương, phần, tín chỉ cần biên soạn để cho phép tổ hợp đủ số đề thi (như quy định tại Khoản 2 Điều này).

- Số câu hỏi lý thuyết, số câu hỏi bài tập cho mỗi chương, phần, số câu hỏi theo mỗi bậc năng lực nhận thức.

- Thang điểm từng nhóm câu hỏi.

4. Việc xác định số câu hỏi thi/tín chỉ phải đảm bảo để khi tổ hợp đề thi theo cấu trúc đã xác định với số lượng đề thi tối thiểu cho môn học/mô đun sao cho các đề thi không có nội dung câu hỏi trùng nhau.

## **Chương IV**

### **QUẢN LÝ, SỬ DỤNG NGÂN HÀNG ĐỀ THI**

#### **Điều 12. Bàn giao, quản lý ngân hàng đề thi**

1. Trưởng khoa cùng với Tổ trưởng bộ môn bàn giao bộ ngân hàng đề thi hoàn chỉnh cho phòng Khảo thí và Bảo đảm chất lượng (gồm bộ đề thi gốc cùng đáp án và file mềm kèm theo), có biên bản bàn giao kèm theo.

2. Sau khi đã nhận đủ số lượng đề thi, đáp án đề thi theo Kế hoạch xây dựng ngân hàng đề thi, phòng Khảo thí và Bảo đảm chất lượng đóng dấu niêm phong ở mặt ngoài từng phong bì đựng đề thi và trình Hiệu trưởng ký quyết định nghiệm thu ngân hàng đề thi, quyết định phê duyệt/phê duyệt bổ sung đưa vào sử dụng ngân hàng đề thi.

3. Sau khi được Hiệu trưởng ký quyết định nghiệm thu và phê duyệt việc sử dụng ngân hàng đề thi, phòng Khảo thí và Bảo đảm chất lượng có trách nhiệm quản lý và bảo mật ngân hàng đề thi sử dụng cho các lớp đào tạo của trường.

4. Phòng Khảo thí và Bảo đảm chất lượng mã hóa, đưa dữ liệu chế bản vi tính định dạng PDF của ngân hàng đề thi và đáp án lên phần mềm quản lý đề thi (nếu có), cập nhật thống kê danh mục đề thi trên máy tính để quản lý. Máy tính phải có mã bảo mật của người chịu trách nhiệm quản lý ngân hàng đề thi.

#### **Điều 13. Sử dụng ngân hàng đề thi**

1. Theo kế hoạch/ lịch thi đã được Hiệu trưởng phê duyệt, phòng Khảo thí và Bảo đảm chất lượng tiến hành chọn ngẫu nhiên các câu hỏi trong ngân hàng câu hỏi thi để tổ hợp thành các đề thi chính thức hoặc chọn đề thi ngẫu nhiên bằng thủ công hoặc bằng hệ thống quản lý mã đề thi (nếu có) từ ngân hàng đề thi theo quy định dưới đây:

a. Đối với đề thi tự luận: chọn 02 đề thi, trong đó 01 đề thi sử dụng chính thức và 01 đề thi dự phòng;

b. Đối với đề thi trắc nghiệm/đề thi trắc nghiệm kết hợp tự luận: chọn 04 đề thi, trong đó 02 đề thi sử dụng chính thức (01 đề thi cho số báo danh chẵn và 01 đề thi cho số báo danh lẻ), 02 đề thi dự phòng;

c. Đối với đề thi vấn đáp: số lượng đề thi được chọn phụ thuộc vào số lượng người học của 01 phòng thi nhưng đảm bảo 01 đề thi vấn đáp chỉ sử dụng tối đa cho 02 người học/phòng thi;

d. Đối với đề thi thực hành: Số lượng đề thi được chọn phụ thuộc vào số lượng người học dự thi theo từng nghề do Hiệu trưởng quyết định.

e. Đề thi dự phòng chỉ được sử dụng khi đề thi chính thức có sai sót hoặc có



biểu hiện lộ đề thi chính thức.

2. Phòng Khảo thí và Bảo đảm chất lượng chịu trách nhiệm việc nhân bản đề thi (in hoặc photo), đóng túi, kí xác nhận lên túi đựng đề thi và niêm phong bảo mật đề thi theo quy định. Ngoài bìa túi đựng đề thi phải ghi rõ: tên học phần thi, khoá đào tạo, địa điểm tổ chức thi, số lượng đề thi.

3. Phòng Khảo thí và Bảo đảm chất lượng bàn giao các túi đựng đề thi có niêm phong bảo mật và đề thi dự phòng (chưa nhân bản) cho Trưởng ban coi thi trước giờ thi ít nhất là 30 phút. Việc bàn giao các túi đựng đề thi và đề thi dự phòng có biên bản bàn giao theo quy định.

4. Sau khi kết thúc kì thi, nếu đề thi dự phòng không được sử dụng thì Trưởng Ban coi thi có trách nhiệm bàn giao lại cho phòng Khảo thí và Bảo đảm chất lượng có biên bản bàn giao kèm theo.

5. Đáp án đề thi chỉ được bàn giao cho Ban chấm thi hoặc Ban thư ký hội đồng thi để tổ chức chấm thi, có biên bản bàn giao kèm theo.

#### **Điều 14. Chính sửa, bổ sung đề thi trong ngân hàng đề thi**

1. Ngân hàng đề thi được cập nhật, bổ sung định kì hằng năm hoặc có thể được chỉnh sửa, bổ sung trong trường hợp:

a. Chương trình, giáo trình đào tạo được rà soát, chỉnh sửa, bổ sung, cập nhật.

b. Đề thi đã được sử dụng, có phản hồi của người học, cán bộ coi thi, cán bộ chấm thi (qua biên bản coi thi, chấm thi), có đánh giá chất lượng đề thi qua phổ điểm thống kê sau kỳ thi và đề xuất yêu cầu chỉnh sửa đề thi, câu hỏi thi.

c. Số lượng đề thi trong ngân hàng đề thi không đủ để sử dụng hết năm.

2. Việc chỉnh sửa, bổ sung đề thi trong ngân hàng đề thi được tiến hành theo các bước tương tự như quy trình xây dựng ngân hàng đề thi được quy định tại Điều 3 của Quy định này.

## **Chương IV**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 15. Trách nhiệm phối hợp của các đơn vị**

##### *1. Phòng Khảo thí và Bảo đảm chất lượng:*

- Chủ trì tham mưu giúp Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch và phối hợp với các đơn vị triển khai kế hoạch xây dựng/chỉnh sửa/bổ sung ngân hàng đề thi hàng năm.

- Tiếp nhận và quản lý ngân hàng đề thi; Lựa chọn, nhân bản đề thi phục vụ các kỳ thi.

- Lưu trữ hồ sơ xây dựng/chỉnh sửa/bổ sung ngân hàng đề thi theo quy định.

- Phối hợp với phòng Tổ chức - Hành chính xây dựng dự toán kinh phí xây dựng/chỉnh sửa/bổ sung ngân hàng đề thi.

##### *2. Phòng Tổ chức - Hành chính:*

- Chuẩn bị các điều kiện về cơ sở vật chất phục vụ thực hiện kế hoạch xây dựng/chỉnh sửa/bổ sung ngân hàng đề thi.

- Chủ trì xây dựng dự toán kinh phí xây dựng/chỉnh sửa/bổ sung ngân hàng đề thi.

- Tiến hành các thủ tục thanh toán kinh phí xây dựng/chỉnh sửa/bổ sung ngân hàng đề thi theo quy định.

##### *3. Phòng Đào tạo:*

- Quản lý các chương trình đào tạo và phối hợp tham gia thành viên Hội đồng thẩm định ngân hàng đề thi.

- Phối hợp triển khai tại đơn vị thực hiện nghiêm quy định này.

##### *4. Các đơn vị trực thuộc:*

- Giới thiệu danh sách giảng viên/giáo viên tham gia xây dựng, thẩm định ngân hàng đề thi.

- Phối hợp triển khai tại đơn vị và tổ chức thực hiện nghiêm quy định này.

#### **Điều 16. Điều khoản thi hành**

1. Quy định này được áp dụng trong phạm vi trường Cao đẳng KT - KT Tô Hiệu Hưng Yên và có hiệu lực thi hành kể từ ngày Quyết định ban hành quy định này có hiệu lực. Những nội dung không có trong quy định này được thực hiện theo các văn bản hiện hành của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp và Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội về giáo dục nghề nghiệp.

Trưởng phòng Khảo thí và Bảo đảm chất lượng có trách nhiệm giúp Hiệu trưởng chỉ đạo phổ biến, triển khai và tổ chức thực hiện quy định này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vấn đề vướng mắc hoặc chưa phù hợp, các trưởng/phụ trách các đơn vị kịp thời phản ánh trực tiếp về phòng Khảo thí và Bảo đảm chất lượng để báo cáo, đề xuất Hiệu trưởng xem xét, giải quyết.

TRƯỜNG CĐ KT-KT TÔ HIỆU HƯNG YÊN

ĐỀ THI KẾT THÚC MÔN HỌC/MÔ ĐUN

KHOA:.....

Trình độ đào tạo:.....

Nghề đào tạo:.....

Môn học/Mô đun: .....

Hình thức thi: Tự luận

Thời gian làm bài: ..... phút (Không kể thời gian phát đề)

Mã đề.....

Câu 1: (..... điểm)

.....

Câu 2:(..... điểm)

.....

Câu n: (..... điểm)

.....

----- Hết -----

**Ghi chú:**

- Đề thi gồm ... trang
- Thí sinh được/không được sử dụng tài liệu khi làm bài
- Giám thị không giải thích gì thêm.

Hung Yên, ngày ... tháng .... năm 20...

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Người biên soạn

TRƯỜNG CĐ KT-KT TÔ HIỆU HÙNG YÊN

ĐÁP ÁN

KHOA:.....

ĐỀ THI KẾT THÚC MÔN HỌC/MÔ ĐUN

Trình độ đào tạo:.....

Nghề đào tạo:.....

Môn học/Mô đun: .....

Hình thức thi: Tự luận

Thời gian làm bài: ..... phút (Không kể thời gian phát đề)

Mã đề.....

TT	Nội dung	Điểm
Câu 1		
Câu 2		
....		
Câu n		

Hung Yên, ngày ... tháng .... năm 20...

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Người biên soạn

TRƯỜNG CĐ KT-KT TÔ HIỆU HƯNG YÊN

ĐỀ THI KẾT THÚC MÔN HỌC/MÔ ĐUN

KHOA:.....

Trình độ đào tạo:.....

Nghề đào tạo:.....

Môn học/Mô đun: .....

Hình thức thi: Trắc nghiệm

Thời gian làm bài: ..... phút (*Không kể thời gian phát đề*)

Mã đề.....

Câu 1: .....

A. ....

C. ....

B. ....

D. ....

Câu 2: .....

A. ....

C. ....

B. ....

D. ....

.....

Câu n: .....

A. ....

C. ....

B. ....

D. ....

----- Hết -----

**Ghi chú:**

- Đề thi gồm ... trang
- Thí sinh được/không được sử dụng tài liệu khi làm bài
- Giám thị không giải thích gì thêm.

Hưng Yên, ngày ... tháng .... năm 20...

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Người biên soạn

TRƯỜNG CĐ KT-KT TÔ HIỆU HÙNG YÊN

ĐÁP ÁN

KHOA:.....

ĐỀ THI KẾT THÚC MÔN HỌC/MÔ ĐUN

Trình độ đào tạo:.....

Nghề đào tạo:.....

Môn học/Mô đun: .....

Hình thức thi: Trắc nghiệm

Thời gian làm bài: ..... phút (Không kể thời gian phát đề)

Mã đề....

Câu hỏi	Mã đề kiểm tra						
	01	02	03	04	05	06	...
1							
2							
3							
4							
5							
...							

----- Hết -----

Hưng Yên, ngày ... tháng .... năm 20...

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Người biên soạn

TRƯỜNG CĐ KT-KT TÔ HIỆU HUNG YÊN

ĐỀ THI KẾT THÚC MÔN HỌC/MÔ ĐUN

KHOA:.....

Trình độ đào tạo:.....

Nghề đào tạo:.....

Môn học/Mô đun: .....

Hình thức thi: Trắc nghiệm kết hợp Tự luận

Thời gian làm bài: ..... phút (*Không kể thời gian phát đề*)

Mã đề....

### I. PHẦN TRẮC NGHIỆM

Câu 1: .....

A. ....

C. ....

B. ....

D. ....

Câu 2: .....

A. ....

C. ....

B. ....

D. ....

.....

Câu n: .....

A. ....

C. ....

B. ....

D. ....

### II. PHẦN TỰ LUẬN

Câu 1: .....

Câu 2: .....

.....

----- Hết -----

*Ghi chú:* - Đề thi gồm ... trang

- Thí sinh được/không được sử dụng tài liệu khi làm bài

- Giám thị không giải thích gì thêm.

Hưng Yên, ngày ... tháng .... năm 20...

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Người biên soạn

TRƯỜNG CĐ KT-KT TÔ HIỆU HƯNG YÊN

ĐÁP ÁN

KHOA:.....

ĐỀ THI KẾT THÚC MÔN HỌC/MÔ ĐUN

Trình độ đào tạo:.....

Nghề đào tạo:.....

Môn học/Mô đun: .....

Hình thức thi: Trắc nghiệm kết hợp Tự luận

Thời gian làm bài: ..... phút (Không kể thời gian phát đề)

Mã đề....

Câu	Nội dung	Điểm
	<b>I. PHẦN TRẮC NGHIỆM</b>	
1		
2		
.....		
	<b>II. PHẦN TỰ LUẬN</b>	
1		
2		
...		
	<b>Tổng điểm</b>	

Hưng Yên, ngày ... tháng .... năm 20...

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Người biên soạn



TRƯỜNG CĐ KT-KT TÔ HIỆU HƯNG YÊN

ĐỀ THI KẾT THÚC MÔN HỌC/MÔ ĐUN

KHOA:.....

Trình độ đào tạo:.....

Nghề đào tạo:.....

Môn học/Mô đun: .....

Hình thức thi: Vấn đáp

Thời gian chuẩn bị: .... phút, thời gian trả lời vấn đáp ..... phút

Họ và tên thí sinh: ..... Mã HSSV:.....

Mã đề....

**Câu 1:** (..... điểm)

.....

**Câu 2:**(..... điểm)

.....

**Câu n:** (..... điểm)

.....

-----Hết-----

**Ghi chú:**

- Đề thi gồm ... trang
- Thí sinh được/không được sử dụng tài liệu khi làm bài
- Giám thị không giải thích gì thêm.

Hưng Yên, ngày ... tháng .... năm 20...

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Người biên soạn

TRƯỜNG CĐ KT-KT TÔ HIỆU HƯNG YÊN

ĐÁP ÁN

KHOA:.....

ĐỀ THI KẾT THÚC MÔN HỌC/MÔ ĐUN

Trình độ đào tạo:.....

Nghề đào tạo:.....

Môn học/Mô đun: .....

Hình thức thi: Vấn đáp

Thời gian chuẩn bị: .... phút, thời gian trả lời vấn đáp ..... phút

Họ và tên thí sinh: ..... Mã HSSV:.....

Mã đề....

CÂU	Nội dung	Điểm chuẩn
1 (.... điểm)	Ý 1. (... điểm)	.....
	[Đáp án chi tiết ghi tại đây]	
	[Đáp án chi tiết ghi tại đây]	
	Ý 2. (.... điểm)	.....
	[Đáp án chi tiết ghi tại đây]	
	[Đáp án chi tiết ghi tại đây]	
	Ý ... (.... điểm)	.....
2 (.... điểm)	Ý 1. (... điểm)	.....
	[Đáp án chi tiết ghi tại đây]	
	[Đáp án chi tiết ghi tại đây]	
	Ý 2. (... điểm)	.....
	[Đáp án chi tiết ghi tại đây]	
	[Đáp án chi tiết ghi tại đây]	
	Ý ... (.... điểm)	.....
.... (.... điểm)		
<b>Tổng điểm</b>		<b>10</b>

Hưng Yên, ngày ... tháng .... năm 20...

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Người biên soạn

TRƯỜNG CĐ KT-KT TÔ HIỆU HƯNG YÊN

ĐỀ THI KẾT THÚC MÔN HỌC/MÔ ĐUN

KHOA:.....

Trình độ đào tạo:.....

Nghề đào tạo:.....

Môn học/Mô đun: .....

Hình thức thi: Thực hành

Thời gian làm bài: ..... phút (Không kể thời gian phát đề)

Mã đề....

.....

- \* Bảng điểm:
- + Chất lượng sản phẩm : 5 điểm
  - + Thao tác kỹ thuật : 2 điểm
  - + Năng suất (thời gian) : 1 điểm
  - + An toàn : 2 điểm

\* Lưu ý: Điểm chất lượng sản phẩm  $\geq 2,5$  điểm thì mới được tính điểm thao tác kỹ thuật, năng suất (thời gian) và an toàn.

-----Hết-----

**Ghi chú:**

- Đề thi gồm ... trang
- Thí sinh được/không được sử dụng tài liệu khi làm bài
- Giám thị không giải thích gì thêm.

Hung Yên, ngày ... tháng .... năm 20...

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Người biên soạn

TRƯỜNG CĐ KT-KT TÔ HIỆU HƯNG YÊN

ĐÁP ÁN

KHOA:.....

ĐỀ THI KẾT THÚC MÔN HỌC/MÔ ĐUN

Trình độ đào tạo:.....

Nghề đào tạo:.....

Môn học/Mô đun: .....

Hình thức thi: Thực hành

Thời gian làm bài: ..... phút (Không kể thời gian phát đề)

Mã đề....

TT	NỘI DUNG	ĐIỂM CHUẨN
<b>I</b>	<b>Chất lượng sản phẩm:</b>	<b>5,0 điểm</b>
1		... điểm
2		... điểm
...		... điểm
<b>II</b>	<b>Thao tác kỹ thuật:</b>	<b>2,0 điểm</b>
1		... điểm
2		... điểm
...		... điểm
<b>III</b>	<b>Năng suất (thời gian):</b>	<b>1,0 điểm</b>
1		... điểm
2		... điểm
...		... điểm
<b>IV</b>	<b>An toàn:</b>	<b>2,0 điểm</b>
1		... điểm
2		... điểm
...		... điểm
	<b>Điểm tổng cộng:</b>	<b>10 điểm</b>

Hưng Yên, ngày ... tháng .... năm 20...

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Người biên soạn

**TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ - KỸ THUẬT TÔ HIỆU HUNG YÊN**

**KHOA:.....**

**BẢNG THỐNG KÊ  
KIẾN THỨC, KỸ NĂNG, MỨC ĐỘ ĐÁNH GIÁ**

**Chương 1: .....**

<b>TT</b>	<b>Nội dung kiến thức, kỹ năng</b>	<b>Mức độ đánh giá</b>
1	.....	Hiểu
2	.....	Hiểu
3	.....	Vận dụng

**Chương 2: .....**

<b>TT</b>	<b>Nội dung kiến thức, kỹ năng</b>	<b>Mức độ đánh giá</b>
1	.....	
2	.....	
3	.....	

.....  
 .....  
 .....

*Hung Yên, ngày ... tháng .... năm 20...*

**Trưởng khoa**

**Trưởng bộ môn**

**Người biên soạn**

## TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ - KỸ THUẬT TÔ HIỆU HƯNG YÊN

KHOA:.....

## CẤU TRÚC ĐỀ THI VÀ PHÂN BỐ SỐ LƯỢNG CÂU HỎI

## 1. Cấu trúc đề thi

Một đề thi gồm .....câu hỏi, trong đó có.....câu trắc nghiệm, .....câu tự luận

Câu hỏi	Thuộc nhóm nội dung (chương)	Số điểm của mỗi câu hỏi	Hình thức thi
Câu 1 đến câu.....	.....		
Câu .... đến câu...	.....		
Câu .... đến câu...	.....		
Câu .... đến câu...	.....		

## 2. Phân bố số lượng câu hỏi

## Phần trắc nghiệm

Chương (hoặc nhóm nội dung)	Số lượng câu hỏi ứng với mức độ đánh giá			
	Nhớ	Hiểu	Vận dụng	Cộng
Chương 1:.....				
Chương 2:.....				
Chương 3:.....				
<b>Cộng:</b>	....	.....	.....	.....

## Phần tự luận

Chương (hoặc nhóm nội dung)	Số lượng câu hỏi ứng với mức độ đánh giá			
	Nhớ	Hiểu	Vận dụng	Cộng
Chương 1:.....				
Chương 2:.....				
<b>Cộng:</b>	....	.....	.....	.....

Hưng Yên, ngày ... tháng .... năm 20...

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Người biên soạn

## TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ - KỸ THUẬT TÔ HIỆU HƯNG YÊN

KHOA:.....

## HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG NGÂN HÀNG CÂU HỎI THI

## A. Một đề thi bao gồm ..... câu hỏi:

## I. Phần trắc nghiệm

Câu 1 đến câu .....	Mỗi câu ... điểm
Câu .... đến câu.....	Mỗi câu .... điểm
.....	.....

## II. Phần tự luận

Câu ...	..... điểm
Câu ...	.... điểm
.....	.....

## B. Các phương án tổ hợp đề (có thể dùng bảng hoặc mô tả)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

## C. Các hướng dẫn cần thiết khác

- Thời điểm áp dụng: .....

- Phạm vi các trình độ và loại hình đào tạo có thể áp dụng: .....

Hưng Yên, ngày ... tháng .... năm 20...

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Người biên soạn